TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2017/HSST
Ngày: 27 - 9 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Trương Thị Thịnh**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Quang Chung**.
2. Ông **Phạm Công Gia**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện VKSND huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2017/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Duy T (tên gọi khác: Cò Mơ), sinh năm: 1987, tại Thái Bình.
Nơi ĐKHKTT: Ấp PM 2, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở: Ấp PM 2, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lái xe;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa;
Con ông Lê Văn C – 1939 và bà Nguyễn Thị M – 1949, hiện ở huyện TP, tỉnh Đồng Nai;
Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ tư;
Vợ: Trần Thị Bích L, sinh năm 1988 hiện ở huyện TP, Đồng Nai.
Có 01 con sinh năm 2008.
Tiền sự: Không.
Tiền án: Ngày 23/8/2011, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử 07 năm tù về tội giết người.
Bắt tạm giam từ ngày 04/4/2017 đến nay.

- **Người bị hại**: Anh Tạ Thanh S – 1973.

Nơi cư trú: 45 Nguyễn Trường T, Phường LT, Thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- **Người làm chứng**:

1. Anh Vũ Xuân S1 – 1983.

Nơi cư trú: Ấp PY, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Đặng Đông D – 1989.

Nơi cư trú: Tổ 3B, Phường LT, Thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

3. Anh Nguyễn Văn H – 1993.

Nơi cư trú: Ấp PN, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

4. Anh Doãn Văn T – 1984.

Nơi cư trú: Ấp PT, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh Lê Quang B – 1994.

Nơi cư trú: Ấp PL 6, xã PS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại, người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Duy T và anh Tạ Thanh S có mối quan hệ quen biết. Qua đó, anh S có vay của T 2.000.000 đồng để đánh bạc. Sau đó,T đã nhiều lần yêu cầu anh S trả tiền nhưng anh S cố ý không trả.

Vào khoảng 15 giờ ngày 01/7/2016, Lê Duy T cùng Vũ Xuân S1 đang xem đá gà tại xã PT, huyện TP thì một người bạn của T tên Cò (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại nói cho T biết anh S đang đứng trước cổng nhà thờ Kim Lâm thuộc xã PT, huyện TP. Nghe vậy, T điều khiển xe mô tô của T chở S1 đến cổng nhà thờ Kim Lâm thì gặp anh S đang đứng cùng với Đặng Đông D, sinh năm: 1989, địa chỉ: Phường LT, Thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng và Nguyễn Văn H, sinh năm: 1993, địa chỉ: Xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Lúc này, T thấy tay trái của anh S đang cầm điện thoại nghe và có cầm số tiền 1.000.000 đồng, T liền đi tới dùng tay phải bóp tay trái của anh S, lấy toàn bộ số tiền anh S đang cầm trên tay, tiếp đó T hỏi anh S "Sao mày thiếu tiền tao mà không trả", anh S trả lời "Tao có thiếu mày đâu mà trả", T liền dùng tay phải tát vào mặt và dùng chân đạp vào bụng anh S, làm anh S chảy máu mũi và bị ngã về phía sau thì được Vũ Xuân S1, Đặng Đông D và Nguyễn Văn H can ngăn. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên, T cùng S1 lên xe mô tô đi về nhà.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình theo đúng nội dung vụ án nêu trên.

Bản cáo trạng số 59/CT - VKS - HS ngày 29 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Lê Duy T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 133, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và đề xuất mức án đối với bị cáo Lê Duy T từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong. Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Đối với Vũ Xuân S1, Đặng Đông D và Nguyễn Văn H: Quá trình điều tra không chứng minh được S1, D và H cùng với T chiếm đoạt T sản của anh S nên không xử lý.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì đối với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú.

Bị cáo có lời nói sau cùng như sau: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận đối với hành vi đã gây ra. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về xã hội, trở thành một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Duy T thừa nhận: Do có mâu thuẫn từ việc anh Tạ Thanh S vay tiền không trả mặc dù T đã nhiều lần yêu cầu anh S thanh toán nên vào khoảng 16 giờ ngày 01/7/2017, tại xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai, Lê Duy T có hành vi dùng vũ lực (dùng tay bóp tay anh S, tát vào mặt làm anh S chảy máu mũi và dùng chân đạp vào bụng của Tạ Thanh S) qua đó chiếm đoạt của anh S số tiền 1.000.000 đồng. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3]. Hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp, sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ; gây bức xúc, lo sợ, hoang mang, dao động, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo T thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, xét thấy cần xử lý bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết, cần tuyên mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo có nhân thân xấu nay lại phạm tội. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Vì

vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo đầu thú và người bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.Vì vậy, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, nghĩ nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong. Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với Vũ Xuân S1, Đặng Đông D và Nguyễn Văn H: Quá trình điều tra không chứng minh được S1, D và H cùng với T chiếm đoạt tài sản của anh S nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên*:*

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Duy T phạm tội "**Cướp tài sản**".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Bị cáo Lê Duy T 03 (Ba) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 04/4/2017.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Duy T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Thịnh